TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 525/2024/HS-PT
Ngày: 31/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường
Bà Trần Thị Kim Liên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Định, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 294/2024/TLPT-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Anh T và các bị cáo khác về tội "*Gây rối trật tự công cộng*". Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HSCTN-ST ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Anh T, sinh ngày 28/8/2006 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 4 tháng 10 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định: nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Bình T1, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Đình P, sinh ngày 10/4/2005 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 8 tháng 28 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú: Thôn M, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện nay: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: sinh viên; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình T2, sinh năm 1966 và bà Phạm Thị Ngọc P1, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/8/2023, bị Công an tx. H9, tỉnh Bình Định xử phạt số tiền 4.500.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính "Mang theo trong

người các loại vũ khí thô sơ hoặc công cụ, phương tiện khác có khả năng gây sát thương nhằm mục đích gây thương tích cho người khác". Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Chí H, sinh ngày 14/8/2006 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 4 tháng 24 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn (văn hóa): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ôngĐỗ Văn P2, sinh năm 1981 và bà Phan Thị Đ, sinh năm 1980; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Chí H1, sinh ngày 28/11/2006 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 01 tháng 10 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1978 và bà Trần Thị A, sinh năm 1985; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Đình T3, sinh ngày 03/10/2006 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 03 tháng 05 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn Đ, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ học vấn (văn hóa): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thành V, sinh năm 1979 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Huỳnh Văn T4, sinh ngày 19/01/2006 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 16 tuổi 11 tháng 19 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn (văn hóa): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh N1, sinh năm 1977 và bà Trần Thị Kim H2 (H3), sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Võ Thành T5, sinh ngày 12/01/2005 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 11 tháng 26 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khu phố T, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn (văn hóa): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thành Đ1, sinh năm 1983 và bà Lý Thị T6, sinh năm 1983; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Phan Anh P3, sinh ngày 29/7/2005 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 5 tháng 09 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khu phố T, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn (văn hóa): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V1, sinh năm 1979 và bà Phan Thị T7, sinh năm 1987; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Quí T8, sinh ngày 20/9/2005 (*tính tới thời điểm phạm tội bị cáo được 17 tuổi 3 tháng 18 ngày*); nơi sinh: Tại Bình Định; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Khu phố P, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ học vấn (văn hóa): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H4, sinh năm 1964 và bà Ngô Thị H5, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Trần Anh T*:* Ông Trần Bình T1, bà Huỳnh Thị C; địa chỉ: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định. Bà C, có mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Trần Đình P*:* Ông Trần Đình T2, bà Phạm Thị Ngọc P1; địa chỉ: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định, vắng mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Đỗ Chí H*:* Ông Đỗ Văn P4, bà Phan Thị Đ; địa chỉ: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định, bà Đ có mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Nguyễn Chí H1*:* Ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị A; địa chỉ: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định, ông N có mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Phan Đình T3*:* Ông Phan Thành V, bà Huỳnh Thị B; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định, bà B có mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Huỳnh Văn T4*:* Ông Huỳnh N1, bà Trần Thị Kim H2; địa chỉ: Thôn X, xã H, tx. H, tỉnh Bình Định, bà H2 có mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Võ Thành T5*:* Ông Võ Thành Đ1, bà Lý Thị T6; địa chỉ: Khu phố T, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định, vắng mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Phạm Phan Anh P3*:* Ông Phạm Văn V1, bà Phan Thị T7; địa chỉ: Khu phố T, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định, vắng mặt.
- *Đại diện hợp pháp của bị cáo* Trần Quí T8*:* Ông Trần Văn H4, bà Ngô Thị H5; địa chỉ: Khu phố P, phường H, tx. H, tỉnh Bình Định, vắng mặt.
- *Người bào chữa cho bị cáo:*

+ *Bào chữa cho bị cáo* Phan Đình T3*:* Bà Phan Thị Ngọc H6 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, có mặt.

+ *Bào chữa cho bị cáo* Đỗ Chí H *và* Trần Anh T*:* Ông Lê Minh T9 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, có mặt.

+ *Bào chữa cho bị cáo* Huỳnh Văn T4*:* Bà Trịnh Thị H7 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, có mặt.

+ *Bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Chí H1*:* Ông Lê Minh T9 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B, có mặt.

+ *Bào chữa cho bị cáo* Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3, Trần Quý T10, Trần Đình P*:* Ông Đoàn Trọng N2 – Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 08/01/2023, do có mâu thuẫn với nhau khi tham gia bình luận trên mạng xã hội Fackbook nên Nguyễn Quốc V2 và Trần Anh T hẹn gặp nhau vào lúc 20 giờ cùng ngày tại rừng dương thuộc thôn D, xã H, tx. H để đánh nhau giải

quyết mâu thuẫn. V2 rủ Đặng Ngọc T11 đi đánh nhau, T11 đồng ý, V2 chuẩn bị hung khí gồm 01 cây mã tấu và 01 tuýp sắt; còn T rủ 09 người gồm Dương Thành H8, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Huỳnh Văn T4, Phan Đình T3, Trần Quốc T12, Trần Văn T13, Phan Phú T14 và Trần Đình P đi đánh nhau, tất cả đồng ý.

Đến khoảng 19 giờ ngày 08/01/2023, có 04 người trong nhóm của Trần Anh T gồm T, P, T14 và T13 đi đến rừng dương thuộc phường H, tx. H lấy 03 cây mã tấu, rồi T điều khiển xe mô tô chở P cầm 01 cây mã tấu, T14 điều khiển xe mô tô chở T13 cầm 01 cây mã tấu và gác trên thành xe 01 cây mã tấu đi đến điểm hẹn với V2 để đánh nhau; 06 người còn lại gồm T12, T4, H8, H, H1 và T3 thì tập trung trước Trường THCS H10 thuộc thôn X, xã H, tx. H để chờ T gọi đi đánh nhau, T12 và H8 chuẩn bị 02 cây mã tấu và H1 chuẩn bị 01 két vỏ chai bia Quy Nhơn mang đến cất giấu trong bụi cây trước trường học để làm hung khí đánh nhau.

Vào thời điểm này, T11 điều khiển xe mô tô BKS 77C1-449.07 chở V2 cầm 01 cây mã tấu và 01 tuýp sắt đi tìm đánh T nhưng V2 không đến điểm hẹn ở xã H mà nói T11 chở đến Trường THCS H10 để tìm T. Khi đến V2 thấy T12, T4, H8, H, H1 và T3 nên V2 cầm cây mã tấu đưa lên cao đe dọa đòi chém, đồng thời nói lớn *"Chết mẹ tụi bây rồi"* và T11 la hét đe dọa làm cho nhóm của T12 hoảng sợ bỏ chạy, T11 tiếp tục điều khiển xe mô tô chở V2 cầm theo 02 hung khí đi đến gần cổng chào thôn K, xã H thì dừng lại để V2 liên lạc với T để đánh nhau. Sau đó, nhóm của T12 tập trung lại và thống nhất đi tìm đánh V2 và T11, H1 điều khiển xe mô tô chở H ngồi giữa cầm 01 cây mã tấu và T4 ngồi sau, H8 điều khiển xe mô tô chở T3 ngồi giữa ôm 01 két vỏ chai bia Quy N3 và T12 ngồi sau cầm 01 cây mã tấu đi tìm V2, T11. Nhóm của T12 điều khiển xe mô tô mang theo hung khí chạy qua nhiều tuyến đường của xã H và khi đến gần cổng chào thôn K, xã H thì phát hiện V2 và T11 đang đứng phía trước, V2 cũng phát hiện nhóm của T12 đang đến nên la lớn *"Tụi nó lên kìa"* rồi cầm cây mã tấu, T11 cầm tuýp sắt đứng hai bên đường chờ nhóm của T12 đến đánh nhau. Xe mô tô do H1 điều khiển chạy đến trước thì H dùng cây mã tấu đánh T11, T11 dùng tuýp sắt đánh lại những người ngồi trên xe, V2 dùng cây mã tấu chém mạnh 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu của T4 khi đang ngồi trên xe làm cho xe mô tô do H1 điều khiển ngã xuống đường; xe mô tô do H8 điều khiển chạy đến sau thì V2 tiếp tục dùng cây mã tấu chém mạnh 01 nhát theo hướng từ trên xuống trúng vào đầu của H8, T12 dùng cây mã tấu đánh trúng mặt của T11, T11 dùng tuýp sắt đánh lại trúng tay trái của T3. T12 và H cầm cây mã tấu xông vào đánh nhau với V2, còn T3 và H1 cầm vỏ chai bia ném về phía V2 và T11, đánh không lại nên V2 và T11 bỏ chạy thì bị H1 cầm vỏ chai bia, T12 và H cầm cây mã tấu truy đuổi nhưng không được, còn T3 điều khiển xe mô tô BKS 77C1-449.07 của T11 bỏ lại chở T4 và H8 đi cấp cứu. Khi thấy nhóm của T12 bỏ đi thì V2 và T11 quay lại lấy xe mô tô nhưng không thấy nên T11 gọi điện thoại cho anh ruột là Đặng Hoài Â đến chở về nhà.

Lúc này, T cùng P, T14 và T13 đang chờ V2 đến đánh nhau thì T12 gọi điện thoại báo cho T biết việc T4, H8 bị nhóm của V2 đánh và thống nhất tập trung tại ngã tư gần quán C1 thuộc thôn M, xã H. T, P, T14 và T13 đến trước thì gặp

04 người gồm Nguyễn Thanh S, Trần Quí T8, Võ Thành T5 và Phạm Phan Anh P3 đang trú mưa ở quán nước mía gần quán C1, do quen biết nhau nên T13 nói cho S, T8, T5 và P3 biết đang tìm đánh nhóm của V2. T12, H và H1 đến kể lại việc T4, H8 bị nhóm V2 đánh thì cả nhóm thống nhất đi tìm nhóm của V2 đánh trả thù, T8, S, T5 và P3 tự nguyện đi theo giúp sức cho nhóm của T đánh nhóm của V2. T đến tiệm sửa xe gần quán nước mía tìm lấy 02 phuộc xe máy *(bằng kim loại, dài khoảng 30cm)* đưa cho H và H1 cầm làm hung khí, rồi T điều khiển xe mô tô chở P cầm 01 cây mã tấu và H1 cầm 01 phuộc xe máy, T14 điều khiển xe mô tô chở T13 cầm 01 cây mã tấu và gác trên thành xe 01 cây mã tấu, T12 điều khiển xe mô tô chở H cầm 01 phuộc xe máy, T5 điều khiển xe mô tô chở P3, S điều khiển xe mô tô chở T8. Cả nhóm đi tìm kiếm trên nhiều tuyến đường thuộc xã H, trên đường Đ đưa cho P3 cầm 01 cây mã tấu nhưng khi đi tìm không thấy nhóm của V2 thì P3 trả lại cây mã tấu cho T13, còn S dừng xe nghe điện thoại nhưng khi nghe xong thì mất dấu nhóm của T nên quay lại quán nước mía đứng chờ. Đến đoạn đường gần cổng chào thôn K, xã H thì nhóm của T phát hiện Đặng Hoài Â điều khiển xe mô tô chở T11 và V2 nên T13 la lớn *"Nó kìa, nó kìa"* rồi cả nhóm cho xe tăng tốc đuổi theo đánh nhóm của V2. Trên đường bỏ chạy V2 vứt bỏ cây mã tấu thì T5 dừng xe lại để P3 lấy làm hung khí rồi tiếp tục cho xe tăng tốc đuổi theo, S đứng thấy nhóm của T rượt đuổi thì cũng điều khiển xe mô tô chở T8 tăng tốc đuổi theo. Quá trình rượt đuổi nhóm của T cho xe mô tô chạy với tốc độ cao (từ 80km/h đến 90km/h), S và T5 đuổi theo không kịp nên quay về, những người còn lại tiếp tục rượt đuổi đến gần Đồn Biên phòng C2 ở phường T, tx. H thì bị mất dấu nhóm của V2 nên quay về. Quãng đường rượt đuổi bắt đầu từ cổng chào thôn K, xã H và kết thúc đến gần Đồn Biên phòng C2 ở phường T khoảng 10km.

Huỳnh Văn T4 bị thương tích được đưa đến Bệnh viện Đ2 cấp cứu, điều trị, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B điều trị, đến ngày 17/01/2023 xuất viện; Dương Thành H8 bị thương tích được đưa đến Bệnh viện Đ2 cấp cứu, điều trị, đến ngày 12/01/2023 xuất viện. Đặng Ngọc T11 và Phan Thành T15 bị thương tích nhẹ, tự điều trị vết thương và có đơn từ chối giám định tỷ lệ thương tích, không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi gây thương tích.

- Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/2023/PY-TgT ngày 08/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận đối với Huỳnh Văn T4 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng trán - đỉnh gây đau đầu, không liệt, vỡ lún sọ trán hai bên, tụ khí nội sọ, dập nhu mô não vùng vỏ, dưới vỏ thùy trán hai bên, tụ máu ngoài màng cứng thùy trán trái đã điều trị nội khoa. Hiện:

+ Tỉnh táo, không có dấu thần kinh khu trú.

+ Sẹo đầu vùng trán - đỉnh.

+ Điện não đồ: Biến đổi nhẹ.

Tỷ lệ: 31%.

- Chấn thương gây đau cột sống cổ, không tổn thương xương trên phim chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ đã điều trị. Hiện vùng cổ không có dấu vết, vận động cổ trong giới hạn bình thường.

Tỷ lệ: 0%.

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 31%.
- Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 63/2023/PY-TgT ngày 08/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận đối với Dương Thành H8 như sau:
1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương đầu vùng đỉnh trái không tổn thương sọ, nội sọ trên phim cắt lớp vi tính sọ não đã điều trị. Hiện để sẹo vùng đỉnh trái, điện não đồ biến đổi nhẹ.
2. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 08%.
Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ gồm 01 cây mã tấu của V2 sử dụng, 02 cây mã tấu của T13 sử dụng, các vật chứng khác Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.
Về dân sự: Gia đình Nguyễn Quốc V2 và Đặng Ngọc T11 bồi thường cho Huỳnh Văn T4 với số tiền 20.000.000 đồng (mỗi gia đình 10.000.000 đồng); Dương Thành H8 và đại diện hợp pháp của H8 không yêu cầu bồi thường về dân sự.
Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2024/HSCTN-ST ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Anh T;
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3, Trần Quí T8, Trần Quốc T12;
Căn cứ các Điều 17, 47, 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.
Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:
1. Về tội danh:
Tuyên bố các bị cáo: Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.
2. Về hình phạt:
2.1. Xử phạt bị cáo Trần Anh T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình P 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.3. Xử phạt bị cáo Đỗ Chí H 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H1 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.5. Xử phạt bị cáo Phan Đình T3 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2.6. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T4 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.7. Xử phạt bị cáo Võ Thành T5 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.8. Xử phạt bị cáo Phạm Phan Anh P3 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2.9. Xử phạt bị cáo Trần Quí T8 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt và tội danh đối với các bị cáo khác, tuyên về phần dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.
Trong thời hạn luật định, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo như sau:
- Bị cáo Trần Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;
- Bị cáo Nguyễn Chí H1 và bà Trần Thị A là người đại diện hợp pháp của bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo;
- Bị cáo Phan Đình T3 và bị cáo Huỳnh Văn T4 kháng cáo xin được hưởng án treo;
- Các bị cáo Đỗ Chí H, Trần Đình P, Trần Quý T10, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.
Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của bà Trần Thị A là người đại diện hợp của bị cáo Nguyễn Chí H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.
Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị:
Bà Phan Thị Ngọc H6 bào chữa cho bị cáo Phan Đình T3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo đang đi học, đang điều trị bệnh và chờ để mổ lại vết thương.
Ông Lê Minh T9 bào chữa cho bị cáo Đỗ Chí H, Trần Anh T, Nguyễn Chí H1 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo H, H1. Vì các bị cáo có nhân thân tốt, khi phạm tội là người chưa thành niên, có giấy xác nhận học sinh ngoan hiền, không vi phạm gì; bị cáo H gia đình khó khăn, bị cáo H1 có ông ngoại là người có công với cách mạng.
Bà Trịnh Thị H7 bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T4 cho rằng về tội danh Toà án cấp sơ thẩm xét xử đúng, không có ý kiến gì, các bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Đối với bị cáo Tiên đề N4 Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo bị người khác rủ rê, bị cáo cũng bị thương tích, gia đình khó khăn.
Ông Đoàn Trọng N2 bào chữa cho các bị cáo Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3, Trần Quý T10 và Trần Đình P cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo đúng tội danh, các bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin dược hưởng án treo. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, gia đình khó khăn, gia đình có

công với cách mạng (bị cáo Trạng), người chưa thành niên, thành khẩn khai báo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P và xem xét cho các bị cáo T10, P3, T5 được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; xem xét ý kiến của người bào chữa và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và Bản án sơ thẩm đã tuyên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Đối với các bị cáo Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 tại phiên tòa các bị cáo cũng thừa nhận đã chuẩn bị hung khí gồm 03 cây mã tấu, 02 phuộc xe máy và 01 két bia để đánh nhau với nhóm của V2, T11 đồng thời điều khiển xe mô tô chạy với tốc độ cao (từ 80km/h đến 90km/h) rượt đuổi theo xe mô tô do Đặng Hoài Â điều khiển chở V2 và T11 trên nhiều tuyến đường qua nhiều xã, phường H, H, Tam Quan N của thị xã H với quảng đường khoảng 10km. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Do đó, hành vi của các bị cáo Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" với tình tiết định khung là "Dùng hung khí" được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong vụ án gây rối trật tự công cộng các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, các bị cáo đều thực hiện hành vi với vai trò là người thực hành, trong đó: Bị cáo Trần Anh T là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội, chuẩn bị hung khí, sử dụng xe mô tô chở đồng bọn rượt đuổi V2 và T11. Do đó mức hình phạt đối với bị cáo phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4 khi được bị cáo T rủ tham gia đánh nhau thì các bị cáo đều đồng ý tham gia, mang theo hung khí đi tìm, sử dụng hung khí, xe mô tô cùng đồng bọn rượt đuổi nhóm của V2. Còn các bị cáo Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3, Trần Quí T8 không tham gia cùng với nhóm T từ đầu nhưng khi biết nhóm T tìm nhóm của V2 để đánh nhau thì các bị cáo tự nguyện tham gia, trong đó T5 điều khiển xe

mô tô chở P3 cầm mã tấu rượt đuổi nhóm của V2 trên quảng đường khoảng 05 km; bị cáo Nguyễn Thành S1 chở T8 rượt đuổi nhóm của V2 khoảng 01km nhưng do đuổi không kịp nên bỏ về. Bị cáo Trần Đình P có nhân thân xấu, các bị cáo Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 có nhân thân tốt nhưng các bị cáo đều thực hiện hành vi với vai trò tích cực, nên Tòa án cấp sơ thẩm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội là phù hợp.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 đều dưới 18 tuổi, nên được áp dụng các Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Anh T là người rủ rê, xúi giục các bị cáo khác là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người bào chữa cho các bị cáo nêu ra một số tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như; tất các các bị cáo gia đình khó khăn, bị cáo H, bị cáo H1 còn đang đi học, bị cáo T3, bị cáo T4 chân còn đau chờ tái khám, bị cáo T16 và bị cáo T8 gia đình có người có công với cách mạng. Xét thấy, các tình tiết nêu ra chỉ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp phúc thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo tuy nhiên không ảnh hưởng lớn đến trách nhiệm hình sự của các bị cáo và do các bị cáo không đủ hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo. Mặt khác, các bị cáo phạm tội *"Gây rối trật tự công cộng"* liên quan trong vụ án *"Giết người"* nên để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại địa phương, Toà án không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với các bị cáo đang đi học hoặc đang điều trị vết thương, chờ tái khám thì sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật; kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo không có căn cứ, không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Anh T, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Đỗ Chí H, Trần Đình P, Trần Quý T10, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và kháng cáo của bà Trần Thị A người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Chí H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt.
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Anh T;
Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3, Trần Quí T8;
Căn cứ các Điều 17, 47, 58 Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.
Căn cứ quy điểm a, b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Tuyên xử:
1. Về hình phạt:
1.1. Xử phạt bị cáo Trần Anh T **30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.2. Xử phạt bị cáo Trần Đình P **24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.3. Xử phạt bị cáo Đỗ Chí H **21 (hai mươi mốt)tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí H1 **21 (hai mươi mốt)tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.5. Xử phạt bị cáo Phan Đình T3 **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.6. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T4 **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.7. Xử phạt bị cáo Võ Thành T5 **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.8. Xử phạt bị cáo Phạm Phan Anh P3 **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
1.9. Xử phạt bị cáo Trần Quí T8 **18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.
2. Các bị cáo đều bị xét xử về tội *"Gây rối trật tự công cộng"*.
3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Anh T, Trần Đình P, Đỗ Chí H, Nguyễn Chí H1, Phan Đình T3, Huỳnh Văn T4, Võ Thành T5, Phạm Phan Anh P3 và Trần Quí T8 mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định (10);
- Công an tỉnh Bình Định (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND phường Hoài Hương, xã Hoài Mỹ, tx. Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Cường